TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 4 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Kim Nguyện
2. Ông Ngô Hoàng Sơn
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh C.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1990
Trú tại: Số 17 đường B, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh C (có mặt).
- *Bị đơn:* Anh **Trần Nguyễn Quốc B,** sinh năm 1988
Trú tại: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Hôn nhân: Chị T với anh B kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố C, tỉnh C. Thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Chị T xác định hiện chị không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh B.

Con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 10/7/2012 và Trần Nguyễn Gia T1, sinh ngày 22/9/2013. Hiện Bảo H đang sống với chị T, Gia T1 đang sống với anh B. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Bảo H, giao Gia T1 cho anh B tiếp tục nuôi dạy. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Anh Trần Nguyễn Quốc B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Nguyễn Quốc B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của khởi kiện của chị T, căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2] Hôn nhân, chị T với anh B chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên toà, chị T xác định nuyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B không thương yêu quan tâm chăm sóc vợ con, không lo lắng làm ăn, cũng chính từ mâu thuẫn trên nên chị T xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu ly hôn với anh B. Quá trình giải quyết vụ án, anh B không tham gia phiên tòa, không nêu ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị T điều đó thấy rằng anh B cũng không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị T. Như đã nhận định trên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được ly hôn với anh B.

[3] Con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 10/7/2012 và Trần Nguyễn Gia T1, sinh ngày 22/9/2013, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện các cháu còn là người chưa thành niên, khi cha mẹ ly hôn cần phải giao các cháu cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dạy. Tuy nhiên hiện tại Bảo H đang sống với chị T, Gia T1 đang sống với anh B, để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất cũng như tin thần của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao Bảo H cho chị T tiếp tục nuôi dạy, giao Gia T1 cho anh B tiếp tục nuôi dạy. Chị T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T.

Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn anh Trần Nguyễn Quốc B.

Giao Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 10/7/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dạy, giao Trần Nguyễn Gia T1 sinh ngày 22/9/2013 cho anh B tiếp tục nuôi dạy. Không xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con; Chị T, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ngày 25/01/2018 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000291 nên được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- UBND phường4, tp.C;
- TAND t.C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Việt Trung